

BẢNG SO SÁNH CHI TIẾT ĐIỀU LỆ CÔNG TY SỬA ĐỔI THEO THÔNG TƯ 95/2017/TT-BTC



Quy định tại Điều lệ Công ty cũ (Thông tư 121/2012/TT-BTC)	Nội dung sửa đổi (Theo thông tư 95/2017/TT-BTC)	Lý do sửa đổi
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	
Không có qui định	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	
Không có qui định	1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty; Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị: Trần Thị Vân Loan Điện thoại: (84-296).3931.000 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ này.	Sửa theo quy định tại Điều 03 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Người đại diện theo pháp luật của Công ty
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	
1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo <u>Giấy chứng nhận</u>	1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <i>theo ngành nghề của Công ty đã</i>	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Điều lệ mẫu – Phụ lục

<u>đăng ký doanh nghiệp</u> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	<i>được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</i> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
2. Công ty có thể <u>tăng vốn điều lệ</u> khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	2. Công ty có thể <i>thay đổi vốn điều lệ</i> khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <u>bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy</u> , người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <i>bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng</i> , người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	Sửa theo quy định tại khoản 4, Điều 7 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Chứng nhận cổ phiếu
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	
Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành <u>có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty</u> .	Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có <i>chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty</i> .	Sửa theo quy định tại Điều 8 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	
1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <u>Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán</u> được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <i>Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán</i> được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 9 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Chuyển nhượng cổ phần
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán <i>và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</i>	Bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Chuyển nhượng cổ phần
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	
2. <u>Người nắm giữ cổ phần phổ thông</u> có các quyền sau:	2. <i>Cổ đông phổ thông</i> có các quyền sau:	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Quyền của cổ đông
	2f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;	Bổ sung theo quy định tại khoản 2f, Điều 12 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Quyền của cổ đông
2g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <u>số cổ</u>	2h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với <i>tỷ lệ sở hữu cổ</i>	Sửa theo quy định tại khoản 2h, Điều 12 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số

<u>phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác</u> của Công ty theo quy định của pháp luật;	<i>phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác</i> của Công ty theo quy định của pháp luật;	95/2017/TT-BTC – Quyền của cổ đông
2h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của <u>Luật Doanh nghiệp</u> ;	2i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại <i>Điều 129 Luật doanh nghiệp</i> ;	Sửa theo quy định tại khoản 2i, Điều 12 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Quyền của cổ đông
3b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 79 và Điều 97</u> Luật Doanh nghiệp;	3b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <i>Điều 114 và Điều 136</i> Luật doanh nghiệp;	Sửa theo quy định tại khoản 3b, Điều 12 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Quyền của cổ đông
3c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền <u>tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông</u> ;	3c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền <i>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i> ;	Sửa theo quy định tại khoản 3c, Điều 12 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Quyền của cổ đông
3d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; <u>tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần	3d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <i>số Thẻ căn cước công dân</i> , Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; <i>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính</i> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ	Sửa theo quy định tại khoản 3d, Điều 12 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Quyền của cổ đông

và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	
3đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	3e. Các quyền khác theo quy định <i>của pháp luật</i> và Điều lệ này.	Bổ sung theo quy định tại khoản 3e, Điều 12 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Quyền của cổ đông
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	
<u>Cổ đông</u> có các nghĩa vụ sau:	<i>Cổ đông phổ thông</i> có các nghĩa vụ sau:	Sửa theo quy định tại Điều 13 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Nghĩa vụ của cổ đông
1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các <u>quy chế của Công ty</u> ; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các <i>quy chế nội bộ của Công ty</i> ; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 13 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Nghĩa vụ của cổ đông
2. <u>Tham gia</u> các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua <u>đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</u>	2. <i>Tham dự</i> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <i>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</i> <i>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</i> <i>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</i>	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 13 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Nghĩa vụ của cổ đông

	d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <u>Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</u>	2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. <i>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</i>	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 14 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại hội đồng cổ đông
3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. Khi <u>số thành viên của Hội đồng quản trị</u> ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc <u>ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ</u> ;	3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c. <i>Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</i> ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị <i>giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này</i> ;	Sửa theo quy định tại khoản 3c, Điều 14 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại hội đồng cổ đông
3d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>khoản 3 Điều 11</u> Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc <u>văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan</u> ;	3d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <i>khoản 3 Điều 12</i> Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <i>phải được thể hiện bằng văn bản</i> , trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc <i>văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan</i> ;	Cập nhật dẫn chiếu khi thay đổi thứ tự Điều luật và Sửa theo quy định tại khoản 3d, Điều 14 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại hội đồng cổ đông
3e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên	3e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản	Sửa theo quy định tại khoản 3e, Điều 14 Điều lệ mẫu – Phụ

Hội đồng quản trị hoặc <u>cán bộ quản lý cấp cao</u> vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 119</u> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	trị hoặc <i>người điều hành khác</i> vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <i>Điều 160</i> Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại hội đồng cổ đông
4a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày <u>số thành viên Hội đồng quản trị</u> còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;	4a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày <i>số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên</i> còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;	Sửa theo quy định tại khoản 4a, Điều 14 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại hội đồng cổ đông
4b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 97</u> Luật Doanh nghiệp;	4b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <i>khoản 5 Điều 136</i> Luật doanh nghiệp;	Sửa theo quy định tại khoản 4b, Điều 14 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại hội đồng cổ đông
4c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 97</u> Luật Doanh nghiệp.	4c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <i>khoản 6 Điều 136</i> Luật doanh nghiệp.	Sửa theo quy định tại khoản 4c, Điều 14 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại hội đồng cổ đông

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	
2m. Quyết định giao dịch <u>bán</u> tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị <u>từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	2l. Quyết định giao dịch <i>đầu tư hoặc bán</i> số tài sản có giá trị <i>từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty</i> được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;	Sửa theo quy định tại khoản 2l, Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
2n. Công ty mua lại hơn <u>10% một loại cổ phần phát hành</u> ;	2m. Quyết định mua lại trên <i>10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại</i> ;	Sửa theo quy định tại khoản 2m, Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
2p. <u>Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120</u> Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	2o. <i>Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162</i> Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn <i>35% tổng giá trị tài sản của Công ty</i> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;	Sửa theo quy định tại khoản 2n, Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
2q. Các vấn đề khác theo quy định của <u>Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</u>	2p. Các vấn đề khác theo quy định của <i>pháp luật và Điều lệ này.</i>	Sửa theo quy định tại khoản 2o, Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
3a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <u>Khoản 1 Điều 14</u> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	3a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <i>khoản 2 Điều này</i> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;	Sửa theo quy định tại khoản 3a, Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ

		đồng
3b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện <u>theo tỷ lệ sở hữu</u> của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua <u>khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán</u> .	3b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện <i>tương ứng với tỷ lệ sở hữu</i> của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua <i>giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật</i> .	Sửa theo quy định tại khoản 3b, Điều 15 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	
1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể <u>ủy quyền cho đại diện của mình tham dự</u> . Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể <i>ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự</i> . Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 16 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại diện theo ủy quyền
2a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <u>người được ủy quyền</u> dự họp;	2a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <i>cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền</i> dự họp;	Sửa theo quy định tại khoản 2a, Điều 16 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại diện theo ủy quyền
2b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;	2b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;	Sửa theo quy định tại khoản 2b, Điều 16 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Đại diện theo ủy quyền
Điều 16. Thay đổi các quyền	Điều 17. Thay đổi các quyền	
1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số

tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	95/2017/TT-BTC –Thay đổi các quyền
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải <u>thực hiện những nhiệm vụ</u> sau đây: a. <u>Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</u>	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải <i>thực hiện các công việc</i> sau đây: a. <i>Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</i> b. <i>Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</i>	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.	c. <i>Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</i> d. <i>Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</i> e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g. <i>Các công việc khác phục vụ đại hội.</i>	
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên <u>phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán</u> (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), <u>trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông</u>, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông <i>bằng phương thức bảo đảm</i>, đồng thời công bố trên <i>trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán</i> (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</i> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. <i>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</i> b. <i>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</i> c. <i>Phiếu biểu quyết;</i>	Sửa theo quy định tại khoản 3, Điều 18 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

	d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Cập nhật dẫn chiếu khi thay đổi thứ tự Điều luật và Sửa theo quy định tại khoản 4, Điều 18 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau: a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; d. Các trường hợp khác.	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau: a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Cập nhật dẫn chiếu khi thay đổi thứ tự Điều luật và Sửa theo quy định tại khoản 5, Điều 18 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị	Không qui định	Đưa nội dung này vào Điều 25

quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.		Dự thảo Điều lệ sửa đổi
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.	Không qui định	Đưa nội dung này vào Điều 25 Dự thảo Điều lệ sửa đổi
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
1. <u>Đại hội đồng cổ đông</u> được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít <u>nhất 65% cổ phần</u> có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 19 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. <u>Đại hội đồng cổ đông</u> phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. <u>Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại</u> chỉ được tiến hành khi có <u>thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền</u> dự họp đại diện cho ít nhất <u>51% cổ phần</u> có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 19 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi	Sửa theo quy định tại khoản 3, Điều 19 Điều lệ mẫu – Phụ lục

ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, <u>Đại hội đồng cổ đông</u> lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc <u>vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và</u> được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại <u>Đại hội đồng cổ đông</u> lần thứ nhất.	(30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
1. <u>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông</u> và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa <u>nhưng không vượt quá số người</u>	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

<u>theo quy định của pháp luật hiện hành.</u>		
3. <u>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn</u> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết <u>tại đại hội</u>. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực <u>của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</u>	3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	Sửa theo quy định tại khoản 3, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì <u>các thành viên còn lại</u> bầu một người trong số họ <u>làm chủ tọa cuộc họp</u>. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, <u>thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất</u> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển <u>Đại hội đồng cổ đông</u> bầu chủ tọa cuộc họp và người <u>có phiếu bầu cao nhất</u> được cử làm chủ tọa cuộc họp.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.	Sửa theo quy định tại khoản 4, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.	Không qui định	
	5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	Bổ sung theo quy định tại khoản 5, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại

		cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.	7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp .	Cập nhật dẫn chiếu khi thay đổi thứ tự Điều luật
7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.	Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.	Bổ sung theo quy định tại khoản 6, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
	8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.	Bổ sung theo quy định tại khoản 8, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những	9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để: a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các	Sửa theo quy định tại khoản 9, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp <u>nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết</u>. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	biện pháp <u>cần thiết</u>. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	
10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, <u>Hội đồng quản trị</u> khi xác định địa điểm đại hội có thể: a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.	10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, <u>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> khi xác định địa điểm đại hội có thể: a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.	Sửa theo quy định tại khoản 10, Điều 20 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
1. Trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 2 Điều 20</u>, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ <u>65%</u> trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại <u>Đại hội đồng cổ đông</u>: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (<u>Tổng giám</u>	1. Trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2, khoản 3 Điều này</u>, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ <u>[51%]</u> trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp <u>Đại hội đồng cổ đông</u>: a. Thông qua báo cáo tài chính năm; b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (<u>Tổng giám đốc</u>).	Cập nhật dẫn chiếu khi thay đổi thứ tự Điều luật Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

<u>đốc) điều hành.</u>		
	2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.	Bổ sung theo quy định tại khoản 2, Điều 21 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại <u>Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</u>	3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo quy định tại khoản 3, Điều 21 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
	4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	Bổ sung theo quy định tại khoản 4, Điều 21 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>bất cứ lúc nào nếu</u> xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. <u>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.</u> Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	Bỏ nội dung “Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông ” Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Cập nhật dẫn chiếu khi thay đổi thứ tự Điều luật
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</u> b. Mục đích lấy ý kiến;	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;	Sửa theo quy định tại khoản 3, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Giấy chứng minh nhân dân</u>, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch</u>, số quyết định thành lập <u>hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u>; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, <u>địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u>; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	đồng cổ đông
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức</u>. <u>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</u>	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <u>hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền</u>.	Bỏ nội dung “Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.” Sửa theo quy định tại khoản 4, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông

		qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
	5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau: a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	Sửa theo quy định tại khoản 5, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <u>không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;</u> b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và	6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;	Sửa theo quy định tại khoản 6, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. <u>Các quyết định</u> đã được thông qua; g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty <u>và của người giám sát kiểm phiếu.</u> Các thành viên Hội đồng quản trị <u>và người giám sát kiểm phiếu</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	e. Các vấn đề đã được thông qua; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	
6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Sửa theo quy định tại khoản 7, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
8. <u>Quyết định</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>75%</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	9. <u>Nghị quyết</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>[51%]</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo quy định tại khoản 9, Điều 22 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập	Sửa theo quy định tại khoản 1,2,3,4,5, Điều 23 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư

trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Chương trình họp và nội dung cuộc họp; - Họ, tên chủ tọa và thư ký; - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; - Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong	số 95/2017/TT-BTC –Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
---	--	---

	thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>Đại hội đồng cổ đông</u> không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và <u>Điều lệ Công ty</u>.	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến <u>cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và <u>Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này</u>.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 23 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông
2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định</u> vi phạm pháp luật hoặc <u>Điều lệ Công ty</u>. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại <u>Đại hội đồng cổ</u>	2. <u>Nội dung nghị quyết</u> vi phạm pháp luật hoặc <u>Điều lệ này</u>. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại <u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> trong vòng 45 ngày	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 23 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

<u>đông</u> trong vòng 45 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Không có qui định	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);	Bổ sung điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

	i. Các thông tin khác (nếu có).	
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người</u>. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</u>	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Bỏ qui định này	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 26 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
<u>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ</u>	Bỏ qui định này	

<u>nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</u>		
	2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. <u>Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</u> c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà <u>không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của</u>	3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Có đơn từ chức; c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;	Sửa theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

<u>người này bị bỏ trống;</u> <u>đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u>	g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.	Bỏ qui định này	
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải <u>là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</u>	5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải <u>là cổ đông của Công ty.</u>	Sửa theo quy định tại khoản 5, Điều 26 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền <u>nhân danh</u> Công ty <u>trừ những</u> thẩm quyền <u>thuộc về</u> Đại hội đồng cổ đông.	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty <u>và quyết định của</u> Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a. Quyết định <u>kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</u> b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm <u>và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và</u> quyết định mức lương của họ; d. <u>Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</u> đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <u>cán bộ quản lý</u> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với <u>cán bộ quản lý</u> đó; <u>e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</u> <u>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</u> <u>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp</u>	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và quyết định mức lương của họ; d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác; e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó; f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ; i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

<u>được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</u> <u>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</u> <u>k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành;</u> l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm <u>và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi</u> trả cổ tức; <u>m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.</u>	hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức; k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại; l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền; m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông; o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc); p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).	
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập các công ty con của Công ty; c. Trong phạm vi quy định tại <u>Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp</u> và trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị <u>từ</u> <u>từng thời điểm</u> quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ <u>các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh);</u> d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của	3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty; b. Thành lập các công ty con của Công ty; c. Trong phạm vi quy định tại <u>khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp</u> và trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, <u>Hội đồng quản trị</u> quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ <u>các hợp đồng của Công ty;</u> d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty; e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo	Cập nhật dẫn chiếu khi thay đổi thứ tự Điều luật Sửa theo quy định tại khoản 3, Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Công ty; đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền <u>liên quan đến việc</u> phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; i. <u>Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</u> k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.	đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty; f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ... đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng; j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.	
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) <u>điều hành và những cán bộ quản lý khác</u> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	Sửa theo quy định tại khoản 4, Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội	5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng	Sửa theo quy định tại khoản 5,

đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <u>các cán bộ quản lý</u> đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	Điều 27 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu <u>ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</u>	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.	Sửa theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.</u>	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.	Sửa theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại <u>Đại hội đồng cổ đông.</u>	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Chủ tịch Hội đồng quản trị
4. <u>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm,</u> Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Sửa theo quy định tại Khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	
1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì <u>cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành</u> trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do <u>thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập</u>. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên <u>có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau</u> thì các thành viên này <u>bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số</u>.	1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Sửa theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị <u>thường kỳ</u>, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm <u>(05) ngày trước ngày họp dự kiến</u>. Chủ tịch có thể triệu tập <u>họp bất kỳ khi nào</u> thấy cần thiết, nhưng <u>ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần</u>.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.	Sửa theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty</u>. Ngoài ra, <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị</u>, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản <u>trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn</u>: a. Giám đốc (Tổng giám đốc) <u>điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác</u>; b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: a. Ban kiểm soát; b. Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị; d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; e. Các trường hợp khác (nếu có).	Sửa theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị

4. <u>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận</u> triệu tập họp theo đề nghị thì <u>Chủ tịch</u> phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức <u>cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình</u> triệu tập họp Hội đồng quản trị.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Cập nhật dẫn chiếu khi thay đổi thứ tự Điều luật Sửa theo quy định tại Khoản 4 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
5. Trường hợp có yêu cầu <u>của kiểm toán viên độc lập</u>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	5. Trường hợp có yêu cầu <u>của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</u>, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	Sửa theo quy định tại Khoản 5 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành <u>ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác</u> ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành <u>tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác</u> ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Sửa theo quy định tại Khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được <u>gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng</u> có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản <u>và</u> việc từ chối này có thể <u>có hiệu lực hồi tố</u>. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, <u>kèm theo những tài liệu cần thiết</u> về những vấn đề được <u>bàn bạc</u> và biểu quyết tại <u>cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp</u>. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được <u>gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [năm (05)] ngày làm việc trước ngày họp</u>. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể <u>được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị</u> đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, <u>nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết</u> về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại <u>cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên</u>. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc	Sửa theo quy định tại Khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị

điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.	
8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị <u>lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định</u> khi có ít nhất ba phần tư (3/4) <u>số thành viên</u> Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập <u>lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <u>lại</u> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập <u>lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày</u> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập <u>lần thứ hai</u> được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Sửa theo quy định tại Khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
9. Biểu quyết. a. Trừ quy định tại <u>Điểm b Khoản 9 Điều 27</u>, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <u>số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết</u> có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại <u>Điểm d Khoản 9 Điều 27</u>, khi có vấn đề phát sinh <u>trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu</u>	11. Biểu quyết a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <u>tỷ lệ thành viên tối thiểu</u> có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết,	Sửa theo quy định tại Khoản 11 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị

<u>quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</u> d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó; e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức <u>nghi sự</u> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác <u>(kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.</u> Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm <u>mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu</u>	9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức <u>hội nghị trực tuyến</u> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện	Sửa theo quy định tại Khoản 9 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị

<u>không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.</u> Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. <u>Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</u>	14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. <u>Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</u>	Sửa theo quy định tại Khoản 14 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
	10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.	Sửa theo quy định tại Khoản 10 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công <u>khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.</u> Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai	12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai <u>lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.</u> Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này	Sửa theo quy định tại Khoản 12 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị

các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan .	biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên .	
11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở <u>ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%).</u> Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.	13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành . Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.	Sửa theo quy định tại Khoản 13 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khí chuyển đi . Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp .	15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi . Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản .	Sửa theo quy định tại Khoản 15 Điều 30 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Cuộc họp của Hội đồng quản trị
Điều 27. Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	
15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra.	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên	Bổ sung theo quy định tại Điều 31 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.	chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.	
16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <u>được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</u>	2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị <i>phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</i>	Sửa theo quy định tại Điều 31 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
Không quy định	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán	Bổ sung theo quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP – Người phụ trách quản trị công ty

	độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm. 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Tham dự các cuộc họp; e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty. h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
--	---	--

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <u>trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị</u>. Công ty có một (01) Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc) điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <u>thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức</u>.	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và <i>chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty</i>. Công ty có một (01) Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc) điều hành, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được <i>thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị</i>.	Sửa theo quy định tại Điều 33 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Tổ chức bộ máy quản lý
Điều 29. Cán bộ quản lý	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	
1. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <u>cán bộ quản lý cần thiết</u>, với số lượng và <u>chất lượng</u> phù hợp với cơ cấu và <u>thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm</u>. <u>Cán bộ quản lý phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra</u>.	1. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <i>người điều hành khác</i> với số lượng và <i>tiêu chuẩn</i> phù hợp với cơ cấu và <i>quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định</i>. <i>Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cần cần để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức</i>.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 34 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Người điều hành doanh nghiệp
2. <u>Mức lương, tiền thù lao</u>, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <u>cán bộ quản lý khác</u> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều	2. <i>Thù lao, tiền lương</i>, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <i>người điều hành khác</i> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 34 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Người điều hành doanh nghiệp

hành.	(Tổng giám đốc) điều hành.	
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	
1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định <u>mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi</u> của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và <u>được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</u>	1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định <i>thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác</i> của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, <i>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</i>	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành là <u>ba (03) năm</u> và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành <u>không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</u>	2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc <i>không quá năm (05) năm</i> và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và <i>phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</i>	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 35 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc
3. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành có những <u>quyền hạn và trách nhiệm</u> sau:	3. Tổng giám đốc có các <i>quyền và nghĩa vụ</i> sau:	
3c. Kiến nghị <u>số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ</u>	3c. Kiến nghị <i>với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</i> 3d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; 3e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao,	Sửa theo quy định tại khoản 3c, 3d, 3e, Điều 35 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành

<u>quản lý;</u>	tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;	
4. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải <u>báo cáo các cơ quan</u> này khi được yêu cầu.	4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải <i>báo cáo các cấp</i> này khi được yêu cầu.	Sửa theo quy định tại khoản 4, Điều 35 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành
5. Hội đồng quản trị có thể <u>bãi nhiệm</u> Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành mới thay thế.	5. Hội đồng quản trị có thể <i>miễn nhiệm</i> Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.	Sửa theo quy định tại khoản 5, Điều 35 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành
Điều 31. Thư ký Công ty Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban	Bãi bỏ	

kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp. 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.		
IX. BAN KIỂM SOÁT	IX. BAN KIỂM SOÁT	
Không quy định	Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này. 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	Bổ sung theo quy định tại Điều 36 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Ứng cử, đề cử kiểm soát viên

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát	Điều 37. Kiểm soát viên	
1. Số lượng <u>thành viên Ban kiểm soát</u> của Công ty là ba (03) thành viên. .	1. Số lượng <i>Kiểm soát viên</i> của Công ty là ba (03) người. <i>Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i>	Sửa theo quy định tại Điều 37 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Kiểm soát viên
Không quy định	2. <i>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty</i>	
<u>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</u>	2. Kiểm soát viên không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong <i>ba (03) năm liền trước đó.</i>	
Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. <u>Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và <u>các cán bộ quản lý khác</u> cung cấp	3. <i>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</i> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau: a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và <i>người điều hành khác</i> cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	

các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.		
--	--	--

<u>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</u> a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát; b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<i>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</i> a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp; b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c. Có đơn từ chức và được chấp thuận; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. <i>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</i> a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 37 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Kiểm soát viên
Điều 33. Ban kiểm soát 1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có <u>quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123</u> Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan; b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn	Điều 38. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát có các <i>quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165</i> Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 38 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Ban kiểm soát

về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết; d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý; đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.	các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông; d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp. f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và <u>cán bộ quản lý khác</u> phải cung cấp <u>tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động</u> của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. <u>Thư ký Công ty</u> phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các <u>thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị</u> phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và <i>người điều hành doanh nghiệp khác</i> phải cung cấp <i>đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động</i> của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. <i>Người phụ trách quản trị công ty</i> phải bảo đảm rằng <i>toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị</i> phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.	Sửa theo quy định tại khoản 2, Điều 38 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Ban kiểm soát
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và <u>số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</u>	3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và <i>cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</i>	Sửa theo quy định tại khoản 3, Điều 38 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Ban kiểm soát

4. <u>Mức thù lao của các thành viên Ban kiểm soát</u> do Đại hội đồng cổ đông quyết định. <u>Thành viên của Ban kiểm soát</u> được thanh toán các khoản <u>chi phí đi lại, khách sạn</u> và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	4. <i>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên</i> do Đại hội đồng cổ đông quyết định. <i>Kiểm soát viên</i> được thanh toán các khoản <i>chi phí ăn ở, đi lại</i> và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.	Sửa theo quy định tại khoản 4, Điều 38 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Ban kiểm soát
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng	Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	
Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác</u> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách <u>trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</u>	Thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác</i> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách <i>trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</i>	Sửa theo quy định tại Điều 39 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Trách nhiệm cẩn trọng
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
Không qui định	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Bổ sung theo quy định tại khoản 1, Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên</u>	4. <i>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác</i> , Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo	Sửa theo quy định tại khoản 4, Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục

<u>Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan</u> tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, <u>trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u>	lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <i>Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan</i> tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính <i>trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</i>	đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
4a. Đối với hợp đồng có giá trị từ <u>dưới 20%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, <u>những yếu tố quan trọng về hợp đồng</u> hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của <u>cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị</u> đã được báo cáo cho <u>Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan</u>. Đồng thời, <u>Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó</u> đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những <u>thành viên Hội đồng</u> không có lợi ích liên quan;	5a. Đối với hợp đồng có giá trị <i>nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, <i>những nội dung quan trọng của hợp đồng</i> hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của <i>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác</i> đã được báo cáo tới <i>Hội đồng quản trị</i>. Đồng thời, <i>Hội đồng quản trị</i> đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên <i>Hội đồng quản trị</i> không có lợi ích liên quan;	Sửa theo quy định tại khoản 5a, Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
4b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, <u>những yếu tố quan trọng</u> về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của <u>cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị</u> đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã <u>bỏ phiếu tán thành</u> hợp đồng hoặc giao dịch này;	5b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, <i>những nội dung quan trọng</i> của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của <i>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác</i> đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã <i>thông qua</i> hợp đồng hoặc giao dịch này;	Sửa theo quy định tại khoản 5b, Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
4c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty	5c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm	Sửa theo quy định tại khoản 5c, Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số

vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được <u>Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</u>	giao dịch hoặc hợp đồng này được <i>Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i>	95/2017/TT-BTC –Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là <u>thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty,</u> trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là <i>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp,</i> nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc <i>không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty,</i> trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	Sửa theo quy định tại khoản 2 và khoản 3, Điều 41 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <u>Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <i>khoản 2 Điều 25</i> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp	Cập nhật dẫn chiếu khi thay đổi thứ tự Điều luật Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 39 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền điều

lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty.	hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty.	tra sổ sách và hồ sơ công ty
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và <u>các tài liệu khác</u> theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và <i>bất cứ giấy tờ nào khác</i> theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	Sửa theo quy định tại khoản 3, Điều 39 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ công ty
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	Điều 40. Công nhân viên và công đoàn	
1. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao <u>động nghỉ việc</u> , lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <u>người điều hành doanh nghiệp</u> .	1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động <i>thôi việc</i> , lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và <i>cán bộ quản lý</i> .	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 40 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Công nhân viên và công đoàn
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	

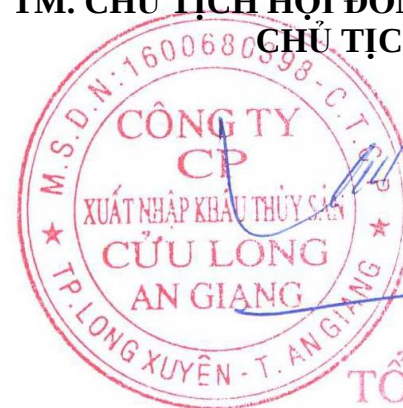
Điều 39. Phân phối lợi nhuận	Điều 44. Phân phối lợi nhuận	
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các <u>cổ phiếu niêm yết/đăng ký</u> tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các <i>cổ phiếu niêm yết</i> tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	Sửa theo quy định tại khoản 5, Điều 44 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC –Phân phối lợi nhuận
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	XXI. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 52. Ngày hiệu lực	Điều 54. Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <u>52 điều</u> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang nhất trí thông qua ngày 16 tháng 04 năm 2013 tại và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương <i>57 điều</i> được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Cửu Long An Giang nhất trí thông qua ngày 16 tháng 05 . năm 2018 tại Cty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Sửa theo quy định tại khoản 1, Điều 57 Điều lệ mẫu – Phụ lục đính kèm Thông tư số 95/2017/TT-BTC – Ngày hiệu lực

Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm.
- Luật DN 2014 là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP là Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư 95/2017/TT – BTC là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

TM. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Vân Loan